TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH-** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 30/12/2020
Về việc: "Tranh chấp đòi tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu H- ơng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Kiệt**
2. Ông **Vũ Văn Hợp**

- Th□ ký phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Th- ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lâm Sển** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXX-ST, ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Mai Quang H**, sinh năm 1948

Địa chỉ: Số nhà 421/13, tổ 4, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Quang H: Ông **Mai Thành Đ**, sinh năm 1976, ngụ tại số nhà 421/13, tổ 4, ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K – Theo văn bản ủy quyền đề ngày 20/10/2020 (BL 49, 50).

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trương Ánh N**, sinh năm 1964
- Bà **Lê Hồng H**, sinh năm 1966
- Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967
- Ông **Huỳnh Văn V**, sinh năm 1970
- Bà **Lương Thị T**, sinh năm 1972
- Ông **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K.

(Tại phiên tòa, ông Đ có mặt,
bà Đ và các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 02/10/2020 của nguyên đơn Mai Quang H, bản tự khai của các đương sự, nội dung các phiên hoà giải ngày 06/11/2020, 13/11/2020 và 19/11/2020, hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung nh- sau:

Ông Mai Thành Đ (Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Quang H) trình bày:

Ông Mai Quang H là cha ruột của tôi. Trước khi bà Nguyễn Thị Hồng Đ và tôi ly hôn thì bà Nguyễn Thị Hồng Đ có nợ các chủ nợ gồm: Nợ bà Trương Ánh N số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), nợ bà Lê Hồng H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), nợ bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), nợ ông Huỳnh Văn V số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), nợ bà Lương Thị T số tiền 39.200.000đ (Ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng), nợ ông Nguyễn Thanh L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), tổng cộng là 133.200.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng). Do bà Nguyễn Thị Hồng Đ hứa sẽ đưa cho ông Mai Quang H được quyền canh tác số đất ruộng của tôi và bà Nguyễn Thị Hồng Đ do tôi và bà Nguyễn Thị Hồng Đ đứng tên là 05 công đất ruộng tầm 03m tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K nên ông Mai Quang H đã đứng ra trả thay cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ toàn bộ số nợ nêu trên, có xác nhận của các chủ nợ. Đây là nợ riêng của bà Nguyễn Thị Hồng Đ, không phải là nợ chung của tôi và bà Nguyễn Thị Hồng Đ trong thời gian còn chung sống vợ chồng. Nhưng sau đó thì bà Nguyễn Thị Hồng Đ lại khởi kiện tôi để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn để yêu cầu chia giá trị tài sản chung của tôi và bà Nguyễn Thị Hồng Đ là 05 công đất ruộng tầm 03m tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K do tôi và bà Nguyễn Thị Hồng Đ đứng tên cùng với tài sản chung khác của tôi và bà Nguyễn Thị Hồng Đ trong thời gian còn chung sống vợ chồng với số tiền là 170.000.000 đồng theo nội dung tờ thỏa thuận ngày 28/6/2019. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã giải quyết là tôi phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền chia tài sản chung của vợ chồng theo nội dung tờ thỏa thuận ngày 28/6/2019 với số tiền là 170.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 144/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2020.

Do đó, được sự ủy quyền của ông Mai Quang H, tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải trả cho ông Mai Quang H số tiền ông Mai Quang H đã trả nợ thay cho bà Điệp cho các chủ nợ Trương Ánh N, Lê Hồng H, Nguyễn Thị T, Huỳnh Văn V, Lương Thị T, Nguyễn Thanh L với tổng số tiền là 133.200.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng), trả một lần.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 và các phiên hoà giải ngày 06/11/2020, 13/11/2020, 19/11/2020 (BL 36, 57, 58, 66, 67, 71, 72), bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Trước khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 140/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang thì ông Mai Quang H có đứng ra trả nợ riêng của tôi thay tôi với tổng số tiền là 133.200.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) cho các chủ nợ là: Trả cho bà Trương Ánh N số tiền 40.000.000đ

(Bốn mươi triệu đồng), trả cho bà Lê Hồng H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), trả cho ông Huỳnh Văn V số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), trả cho bà Lương Thị T số tiền 39.200.000đ (Ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng), trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đây là nợ riêng của tôi, không phải là nợ chung của tôi và ông Mai Thành Đ trong thời gian còn chung sống vợ chồng. Sau khi đứng ra trả số nợ nêu trên cho tôi thì ông Mai Quang H đã lấy lại 01 ha đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K mà trước kia ông Mai Quang H cho tôi và ông Mai Thành Đ mượn canh tác và lấy 05 công đất ruộng tầm 03m tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K của tôi và ông Mai Thành Đ để ông Mai Quang H canh tác. Sau đó, tôi khởi kiện ông Mai Thành Đ để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn để yêu cầu chia giá trị tài sản chung của tôi và ông Mai Thành Đ là 05 công đất ruộng tầm 03m tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K do tôi và ông Mai Thành Đ đứng tên cùng với tài sản chung khác của tôi và ông Mai Thành Đ trong thời gian còn chung sống vợ chồng với số tiền là 170.000.000 đồng theo nội dung tờ thỏa thuận ngày 28/6/2019. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã giải quyết là ông Mai Thành Đ phải hoàn trả cho tôi số tiền chia tài sản chung của vợ chồng theo nội dung tờ thỏa thuận ngày 28/6/2019 với số tiền là 170.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 144/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2020.

Tôi đồng ý hoàn trả cho ông Mai Quang H số tiền ông Mai Quang H đã trả nợ thay cho tôi cho các chủ nợ nêu trên là 133.200.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) và tôi xin được trả cho ông Mai Quang H số tiền này như sau:

- Ngày 01/3/2021 dương lịch, trả 30.000.000 đồng.
- Ngày 01/9/2021 dương lịch, trả 30.000.000 đồng.
- Ngày 01/3/2022 dương lịch, trả 30.000.000 đồng.
- Ngày 01/9/2022 dương lịch, trả 30.000.000 đồng.
- Ngày 01/3/2023 dương lịch, trả 13.200.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 (BL 37), bà Trương Ánh N trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Hồng Đ có mượn của tôi số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), đây là nợ riêng của bà Đ, do bà Đ hứa sẽ giao đất của vợ chồng bà Đ cho ông Mai Quang H sử dụng nên ông H đã đứng ra trả đủ số tiền này cho tôi thay cho bà Đ. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 (BL 38), bà Lê Hồng H trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Hồng Điệp có mượn của tôi số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đây là nợ riêng của bà Đ, do bà Đ hứa sẽ giao đất của vợ chồng bà Đ cho ông Mai Quang H sử dụng nên ông H đã đứng ra trả đủ số tiền này cho tôi thay cho bà Đ. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 (BL 39), bà Nguyễn Thị T trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Hồng Đ có mượn của tôi số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), đây là nợ riêng của bà Đ, do bà Đ hứa sẽ giao đất của vợ

chồng bà Đ cho ông Mai Quang H sử dụng nên ông H đã đứng ra trả đủ số tiền này cho tôi thay cho bà Đ. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 (BL 40), ông Huỳnh Văn V trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Hồng Đ có mượn của tôi số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), đây là nợ riêng của bà Đ, do bà Đ hứa sẽ giao đất của vợ chồng bà Đ cho ông Mai Quang H sử dụng nên ông H đã đứng ra trả đủ số tiền này cho tôi thay cho bà Đ. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 (BL 41), bà Lương Thị T trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Hồng Đ có mượn của tôi số tiền 39.200.000đ (Ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng), đây là nợ riêng của bà Đ, do bà Đ hứa sẽ giao đất của vợ chồng bà Đ cho ông Mai Quang H sử dụng nên ông H đã đứng ra trả đủ số tiền này cho tôi thay cho bà Đ. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 (BL 42), ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Trước đây bà Nguyễn Thị Hồng Đ có mượn của tôi số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), đây là nợ riêng của bà Đ, do bà Đ hứa sẽ giao đất của vợ chồng bà Đ cho ông Mai Quang H sử dụng nên ông H đã đứng ra trả đủ số tiền này cho tôi thay cho bà Đ. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, ông Mai Thành Đ (Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Quang H) vẫn giữ nguyên lời trình bày và yêu cầu nêu trên.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Th- ký phiên tòa và của ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo trình tự thủ tục pháp luật tố tụng quy định; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Quang H (do ông Mai Thành Đ là người đại diện theo ủy quyền).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đ- ợc kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Do phát sinh tranh chấp trong việc thanh toán số tiền đã trả nợ thay bà Nguyễn Thị Hồng Đ nên ông Mai Quang H khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng Đ tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành vào ngày 02/10/2020; bà Nguyễn Thị Hồng Đ có hộ khẩu thường trú và hiện nay vẫn cư trú tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K. Đây là vụ án "Tranh chấp đòi tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo các quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc vắng mặt các ông, bà Nguyễn Thị Hồng Đ, Trương Ánh N, Lê Hồng H, Nguyễn Thị T, Huỳnh Văn V, Lương Thị T và Nguyễn Thanh L tại phiên toà: Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang đã tống đạt Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/12/2020 cho các ông, bà Đ, N, H, T, V, T, L theo quy định của pháp luật, các ông, bà này có đơn yêu cầu xét

xử vắng mặt đề ngày 23/10/2020 (BL 43-48, 64), đ- ợc sự thống nhất của vị đại diện Viện kiểm sát và ông Mai Thành Đ (Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Quang H), Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các ông, bà Nguyễn Thị Hồng Đ, Trương Ánh N, Lê Hồng H, Nguyễn Thị T, Huỳnh Văn V, Lương Thị T và Nguyễn Thanh L theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của ông Mai Quang H:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án căn cứ vào lời khai, lời trình bày của bà Đ tại bản tự khai ngày 23/10/2020 và tại các phiên hoà giải ngày 06/11/2020, 13/11/2020, 19/11/2020 (các bút lục 36, 57, 58, 66, 67, 71, 72), bà Nguyễn Thị Hồng Đ tự nguyện thừa nhận là trước khi có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 140/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang thì ông Mai Quang H có đứng ra trả nợ riêng của bà Nguyễn Thị Hồng Đ thay bà Điệp với tổng số tiền là 133.200.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) cho các chủ nợ là: Trả cho bà Trương Ánh N số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng), trả cho bà Lê Hồng H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng), trả cho ông Huỳnh Văn V số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), trả cho bà Lương Thị T số tiền 39.200.000đ (Ba mươi chín triệu hai trăm ngàn đồng), trả cho ông Nguyễn Thanh L số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Đây là nợ riêng của bà Nguyễn Thị Hồng Đ, không phải là nợ chung của bà Đ và ông Mai Thành Đ trong thời gian còn chung sống vợ chồng. Sau khi đứng ra trả số nợ nêu trên thay cho bà Đ thì ông Mai Quang H đã lấy lại 01 ha đất ruộng tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K mà trước kia ông H cho bà Đ và ông Đ mượn canh tác và lấy 05 công đất ruộng tầm 03m tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K của bà Đ và ông Đ để ông H canh tác. Sau đó, bà Nguyễn Thị Hồng Đ khởi kiện ông Mai Thành Đ để yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn để yêu cầu chia giá trị tài sản chung của bà Đ và ông Đ là 05 công đất ruộng tầm 03m tọa lạc tại ấp T, xã G, huyện C, tỉnh K do bà Đ và ông Đ đứng tên cùng với tài sản chung khác của bà Đ và ông Đ trong thời gian còn chung sống vợ chồng với số tiền là 170.000.000 đồng theo nội dung tờ thỏa thuận ngày 28/6/2019. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành- tỉnh Kiên Giang đã giải quyết là ông Mai Thành Đ phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền chia tài sản chung của vợ chồng theo nội dung tờ thỏa thuận ngày 28/6/2019 với số tiền là 170.000.000 đồng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 144/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/8/2020. Bà Nguyễn Thị Hồng Đ đồng ý hoàn trả cho ông Mai Quang H số tiền nêu trên nhưng xin được trả cho ông H số tiền này làm 05 lần từ ngày 01/3/2021 dương lịch đến ngày 01/3/2023 dương lịch.

Tuy nhiên, ông Mai Thành Đ (Người đại diện theo ủy quyền của ông Mai Quang H) yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải hoàn trả cho ông H số tiền nêu trên một lần.

Như vậy, Tòa án có đủ căn cứ để buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Mai Quang H số tiền ông Mai Quang H đã đứng ra trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ cho các chủ nợ Trương Ánh N, Lê Hồng H, Nguyễn Thị T, Huỳnh Văn V, Lương Thị T và Nguyễn Thanh L với tổng số tiền là 133.200.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Việc các đương sự thanh toán số tiền nêu trên nh- thế nào thì thuộc thẩm quyền của cơ quan Thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Từ những nhận xét trên, Tòa án chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Mai Quang H (do ông Mai Thành Đ là người đại diện theo ủy quyền).

[2] Về án phí:

Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 133.200.000 đồng x 5% = 6.660.000đ (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Ông Mai Quang H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Mai Quang H đã nộp là 3.330.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006541, ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 266, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, Điều 158, khoản 1 Điều 166, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của □y ban Th- ờng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b Tiểu mục 1.3, Mục 1, Phần II của Danh mục án phí thuộc Danh mục án phí, lệ

phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Xử:

1- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Mai Quang H số tiền ông Mai Quang H đã đứng ra trả nợ thay cho bà Nguyễn Thị Hồng Điệp cho các chủ nợ Trương Ánh N, Lê Hồng H, Nguyễn Thị T, Huỳnh Văn V, Lương Thị T và Nguyễn Thanh L với tổng số tiền là 133.200.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không hoàn trả hoặc hoàn trả không đủ số tiền nêu trên cho người được thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2- Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.660.000đ (Sáu triệu sáu trăm sáu mươi ngàn đồng).

Ông Mai Quang H được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Mai Quang H đã nộp là 3.330.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006541, ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Tr- ờng hợp bản án đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3- Về quyền kháng cáo: Các đ- ơng sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/12/2020), đ- ơng sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc đ- ợc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS h Châu Thành, KG (khi án có hlpl);
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thu H- ơng